



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>Trang</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng Cân đối kế toán tổng hợp | 6 - 7 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp | 8 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp | 9 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp | 10 - 33 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp là 0101058736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/07/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 13/07/2022 là: 45.450.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM với mã CIP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------|--|
| Ông Đỗ Chí Nguyễn | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 06/05/2022) |
| Bà Trần Thị Minh | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 06/05/2022) |
| Ông Phan Huy Hùng | Ủy viên |
| Ông Phạm Hùng | Ủy viên (Bổ nhiệm lại ngày 06/05/2022) |

Ban Kiểm soát

| | |
|-------------------------|------------|
| Ông Ngô Đức Cường | Trưởng ban |
| Ông Trần Đức Hoàng | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Ông Trần Văn Long | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06/07/2022) |
| Ông Dương Quang Hưng | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm làm Phó Giám đốc ngày 06/07/2022, xin từ nhiệm Phó Giám đốc ngày 01/08/2022) |
| Ông Phạm Hùng | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm lại ngày 01/08/2022) |
| Ông Nguyễn Hùng Anh | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm lại ngày 01/08/2022) |
| Ông Phan Huy Hùng | Phó Giám đốc (Từ nhiệm lại ngày 01/08/2022) |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay chưa;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc. 



Trần Văn Long

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Số. 160/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến ngày phát hành Báo cáo này, Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán về tính hiện hữu tại ngày 31/12/2022 của các khoản công nợ các phải thu khách hàng với số tiền 19,85 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 30 tỷ đồng), phải trả người bán 32,78 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 36,74 tỷ đồng), trả trước cho người bán 6,54 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 7,56 tỷ đồng), người mua trả tiền trước 8,02 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 8,12 tỷ đồng), phải thu khác 32,9 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 41,15 tỷ đồng), phải trả khác 19,42 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 25,63 tỷ đồng). Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như thanh toán các khoản công nợ trên. Do đó, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá và xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Như trình bày tại thuyết minh số 5.7, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn được thực hiện theo hình thức đấu thầu Công ty trực tiếp thi công, có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng. Doanh thu lũy kế đã ghi nhận đến 31/12/2022 là 171,34 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 171,34 tỷ đồng), chi phí dở dang của Dự án vẫn còn 17,65 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 17,43 tỷ đồng). Công ty đã lập hồ sơ đề nghị Chủ đầu tư hỗ trợ giá một số chi phí với giá trị 27,77 tỷ đồng. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, hai bên vẫn tiếp tục làm việc về nội dung này và chưa đi đến thống nhất. Do đó, Chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá và xác định ảnh hưởng vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Như trình bày tại thuyết minh số 5.7, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, các chi phí dở dang không biến động của các công trình khác tại ngày 31/12/2022 là 28,39 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021: 30,24 tỷ đồng). Hiện nay, Công ty vẫn đang tiến hành rà soát và làm việc với Chủ đầu tư về việc thanh quyết toán các Công trình này nên chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Như trình bày tại thuyết minh số 5.11, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp. Tại ngày 31/12/2022 do chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu nên Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác cũng như ước tính số dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cần phải trích lập bổ sung. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về sự suy giảm của các khoản đầu tư trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày trong thuyết minh số 4, trong đó mô tả về giả định hoạt động liên tục của Công ty, những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Lê Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---|------------|------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 241.714.306.091 | 292.049.624.990 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 3.073.881.600 | 14.220.730.402 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.073.881.600 | 4.920.730.402 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 9.300.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 13.650.000.000 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | - | 13.650.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 160.365.606.305 | 184.202.277.764 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 70.667.129.197 | 61.488.108.017 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 5.4 | 20.289.878.103 | 40.648.716.237 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 86.554.371.973 | 99.211.226.478 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (17.145.772.968) | (17.145.772.968) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 74.028.110.768 | 76.389.818.276 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.7 | 74.028.110.768 | 76.389.818.276 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.246.707.418 | 3.586.798.548 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 4.246.707.418 | 3.586.798.548 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260) | 200 | | 41.754.456.580 | 42.134.967.302 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 8.351.611.483 | 8.718.654.651 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 7.669.534.384 | 8.012.784.816 |
| - Nguyên giá | 222 | | 16.641.951.075 | 21.425.379.516 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (8.972.416.691) | (13.412.594.700) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.9 | 682.077.099 | 705.869.835 |
| - Nguyên giá | 228 | | 889.636.601 | 889.636.601 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (207.559.502) | (183.766.766) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 18.215.446.063 | 18.228.913.617 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.10 | 18.215.446.063 | 18.228.913.617 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.11 | 14.390.211.000 | 14.390.211.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 12.200.000.000 | 12.200.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 3.380.000.000 | 3.380.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (1.189.789.000) | (1.189.789.000) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 797.188.034 | 797.188.034 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.12 | 797.188.034 | 797.188.034 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 283.468.762.671 | 334.184.592.292 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---|------------|------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | | 265.638.394.638 | 316.476.428.083 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 265.638.394.638 | 316.476.428.083 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 124.428.053.423 | 125.849.300.728 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.14 | 23.391.177.578 | 48.335.666.882 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.15 | 11.668.052.264 | 11.811.793.477 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 772.594.231 | 830.741.141 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 5.167.232.859 | 4.741.653.729 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 50.451.057.026 | 58.131.689.521 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.18 | 49.365.286.335 | 66.373.541.683 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 394.940.922 | 402.040.922 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 17.830.368.033 | 17.708.164.209 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.19 | 17.830.368.033 | 17.708.164.209 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 45.450.000.000 | 45.450.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 45.450.000.000 | 45.450.000.000 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 4.498.950.000 | 4.498.950.000 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (32.118.581.967) | (32.240.785.791) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (32.240.785.791) | (19.656.058.716) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 122.203.824 | (12.584.727.075) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 283.468.762.671 | 334.184.592.292 |

Người lập



Đặng Thị Cẩm Thi

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Trần Văn Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

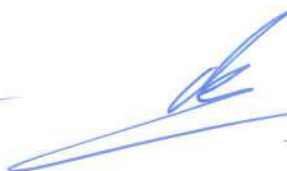
| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|----|-----|-----------------|------------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 94.127.076.226 | 184.357.265.888 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 94.127.076.226 | 184.357.265.888 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 92.136.613.620 | 190.856.623.443 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 1.990.462.606 | (6.499.357.555) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 208.561.341 | 984.514.314 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 3.769.104.031 | 5.877.112.571 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 3.769.104.031 | 5.877.112.571 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 6.5 | 3.261.606.857 | 2.986.845.271 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | (4.831.686.941) | (14.378.801.083) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 5.722.820.924 | 2.890.023.492 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.6 | 768.930.159 | 1.095.949.484 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 4.953.890.765 | 1.794.074.008 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 122.203.824 | (12.584.727.075) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.8 | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 122.203.824 | (12.584.727.075) |
| 18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | 61 | 6.9 | 27 | (2.769) |

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Đặng Thị Cẩm Thi

Đỗ Văn Hùng

Trần Văn Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|----|-----|------------------|------------------|
| | | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 122.203.824 | (12.584.727.075) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | | 367.043.168 | 432.194.556 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | (855.398.600) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.844.924.977) | (1.121.249.351) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 3.769.104.031 | 5.877.112.571 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 2.413.426.046 | (8.252.067.899) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 23.176.762.589 | 33.904.034.603 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 2.361.707.508 | 19.268.082.078 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (33.473.150.171) | (37.211.328.028) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (4.105.164.403) | (5.443.843.610) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 150.000 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (7.100.000) | (32.566.563) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (9.633.518.431) | 2.232.460.581 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1.636.363.636 | 158.387.272 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (3.300.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 13.650.000.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 208.561.341 | 732.514.314 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 15.494.924.977 | (2.409.098.414) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 42.686.841.028 | 85.360.280.774 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (59.695.096.376) | (88.990.095.139) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (17.008.255.348) | (3.629.814.365) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40) | 50 | | (11.146.848.802) | (3.806.452.198) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 14.220.730.402 | 18.027.182.600 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61) | 70 | 5.1 | 3.073.881.600 | 14.220.730.402 |

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Giám đốc





Đặng Thị Cẩm Thi

Đỗ Văn Hùng

Trần Văn Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp là 0101058736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/07/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 13/07/2022 là: 45.450.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã CIP.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh: CONSTRUCTION AND INDUSTRIAL PRODUCTION JOIN STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: CIPC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022: 17 người (tại 01/01/2022 là 26 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;
- Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng kim loại; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và công việc thử nước, chống thấm các tòa nhà;
- Đại lý môi giới đầu giá: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất khác chưa được phân vào đâu./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Thi công xây lắp các công trình và cho thuê tài sản...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây lắp của Công ty phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà công ty thực hiện.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Danh sách Công ty liên kết của Công ty

- | | |
|-------------------------------------|---|
| Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon | - Địa chỉ: Thôn Thấp Phan, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, Hải Dương |
| | - Tỷ lệ phần sở hữu: 20% |
| | - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 20% |
| Công ty CP Bao bì Sông Công | - Địa chỉ: Tổ dân phố 4A, phường Phố Cò, TP. Sông Công, Thái Nguyên |
| | - Tỷ lệ phần sở hữu: 38% |
| | - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 38% |

Các đơn vị trực thuộc

- | | |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới | - Địa chỉ: Số 150/72 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình | - Địa chỉ: Số 1 Đại Đồng, Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội |

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2022, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 23.924.088.547 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế là (32.118.581.967) VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm với số tiền (9.633.518.431) VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi quyết toán các công trình xây lắp, cải thiện hoạt động kinh doanh, gia hạn thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tích cực thu hồi công nợ và quyết toán các công trình xây lắp.
- Công ty đã làm việc với các ngân hàng về việc gia hạn các khoản phải trả.
- Phân đầu sản xuất kinh doanh có hiệu quả...

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập bình quân tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và Khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | <u>Thời gian khấu hao</u> (số năm) |
|---|--|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 06 |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 08 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác | 03 |

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 50 năm, phần mềm máy tính là 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm tài chính sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí của các công trình như Dự án Xuân Phương, xây dựng Nhà điều hành Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới và dự án khu nhà làm việc Xí nghiệp Xây lắp 7 được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả công ty liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng, thu nhập khác

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh xây lắp, hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ do đó toàn bộ doanh thu, chi phí, và các tài sản, công nợ chỉ phục vụ duy nhất cho hoạt động này... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 18.707.754 | 83.350.861 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.055.173.846 | 4.837.379.541 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | - | 9.300.000.000 |
| Tổng | 3.073.881.600 | 14.220.730.402 |

(i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng gửi tại các ngân hàng.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | - | - | 13.650.000.000 | 13.650.000.000 |
| <i>Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng gửi tại:</i> | | | | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng | - | - | 13.650.000.000 | 13.650.000.000 |
| Tổng | - | - | 13.650.000.000 | 13.650.000.000 |

5.3 Phải thu khách hàng

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 70.667.129.197 | 61.488.108.017 |
| Công ty CP Đầu tư Bất động sản Đông Anh | 8.473.127.020 | 8.473.127.020 |
| Công ty TNHH Địa ốc EDEN GARDEN | 9.445.287.650 | 3.934.934.650 |
| Sở KHCN Hà Nội- DA TT GD CN thường xuyên | 6.196.999.008 | 6.340.999.008 |
| Ban Quản lý dự án đầu tư quận Ba Đình | 3.965.668.000 | 8.965.668.000 |
| Ban QLDA Đầu tư XD khu vực Agribank | 9.953.872.871 | 1.548.748.928 |
| Các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng | 32.632.174.648 | 32.224.630.411 |
| Tổng | 70.667.129.197 | 61.488.108.017 |
| <i>Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i> | <i>641.014.693</i> | <i>1.838.795.364</i> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.4 Trả trước cho người bán

| | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 20.289.878.103 | 40.648.716.237 |
| Công ty TNHH TM và XD Linh Ngân | - | 8.183.566.050 |
| Công ty CP XD và Kỹ thuật HAFA | 5.484.374.295 | 13.085.851.898 |
| Công ty TNHH AP Group Việt Nam | - | 2.716.334.500 |
| Công ty TNHH Xây dựng và TM QP Việt Nam | 2.701.722.900 | 2.662.003.470 |
| Trả trước cho các nhà cung cấp khác | 12.103.780.908 | 14.000.960.319 |
| Tổng | 20.289.878.103 | 40.648.716.237 |
| <i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i> | <i>1.660.642.027</i> | <i>1.660.642.027</i> |

5.5 Phải thu khác

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 86.554.371.973 | 11.654.145.102 | 99.211.226.478 | 11.654.145.102 |
| Tân - Công trình gia cố Sông Nhuệ | 4.123.936.278 | - | 4.123.936.278 | - |
| Thiện - Công trình Viettel Cà Mau | 3.308.944.772 | - | 4.036.066.629 | - |
| H.V.Tĩnh-CT khu đất 1,65ha Cỏ Nhuê | 3.860.329.225 | - | 3.860.329.225 | - |
| Công ty 27/7 Ninh Bình - CT XMTN | 3.628.925.510 | - | 3.628.925.510 | - |
| Phải thu các đội trường và phải thu khác | 28.104.961.636 | 4.839.459.295 | 40.322.314.132 | 4.839.459.295 |
| Tạm ứng (*) | 43.527.274.552 | 6.814.685.807 | 43.239.654.704 | 6.814.685.807 |
| Tổng | 86.554.371.973 | 11.654.145.102 | 99.211.226.478 | 11.654.145.102 |
| <i>Trong đó phải thu bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i> | <i>299.938.060</i> | <i>-</i> | <i>203.533.020</i> | <i>-</i> |

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên, tổ đội phục vụ thi công các công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 | |
|--|------------------|---------------------------|----------------|---------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | | | | |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | 17.145.772.968 | - | 17.145.772.968 | - |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Dương Đức Hạnh | | | | 2.363.015.009 |
| Công ty Chế tạo máy | | | | 5.436.575.194 |
| Đào Mạnh Hùng | | | | 961.414.679 |
| Trần Văn Phúc | | | | 1.600.816.467 |
| Đối tượng khác | | | | 6.783.951.619 |
| Tổng | | | | 17.145.772.968 |

5.7 Hàng tồn kho

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 702.728.874 | - | 702.728.874 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 12.370.818 | - | 12.370.818 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 73.313.011.076 | - | 75.674.718.584 | - |
| Tổng | 74.028.110.768 | - | 76.389.818.276 | - |

(*) Chi tiết các công trình sản xuất kinh doanh dở dang:

| | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công trình K2 Mỹ Đình | 17.650.161.282 | 17.439.407.259 |
| DA mở rộng gang thép Thái Nguyên 2009 | 7.781.182.411 | 7.781.182.411 |
| Công trình New Melbourne Bắc Ninh (i) | 6.155.403.183 | 6.155.403.183 |
| Công trình Xây dựng Trường tiểu học Kim Chung 2 | - | 1.914.881.808 |
| Dự án Trung tâm GDĐT - Sở KHCN Hà Nội. | 5.593.781.521 | 5.560.567.607 |
| Công trình Nhà máy Xi măng Thái Nguyên | 3.390.213.866 | 3.390.213.866 |
| Các công trình khác (i) | 32.742.268.813 | 33.433.062.450 |
| Tổng | 73.313.011.076 | 75.674.718.584 |

(*) Trong đó số dư các công trình xây lắp dở dang không biến động trong năm là 28,39 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2022 là 30,24 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|------------------------------|----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2022 | 13.486.196.178 | 2.462.493.270 | 5.253.505.524 | 223.184.544 | 21.425.379.516 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | 150.460.000 | 4.562.695.714 | 70.272.727 | 4.783.428.441 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 150.460.000 | 4.562.695.714 | 70.272.727 | 4.783.428.441 |
| Số dư tại 31/12/2022 | 13.486.196.178 | 2.312.033.270 | 690.809.810 | 152.911.817 | 16.641.951.075 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2022 | 5.500.244.557 | 2.435.660.075 | 5.253.505.524 | 223.184.544 | 13.412.594.700 |
| Tăng trong năm | 316.417.237 | 26.833.195 | - | - | 343.250.432 |
| Khấu hao trong năm | 316.417.237 | 26.833.195 | - | - | 343.250.432 |
| Giảm trong năm | - | 150.460.000 | 4.562.695.714 | 70.272.727 | 4.783.428.441 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 150.460.000 | 4.562.695.714 | 70.272.727 | 4.783.428.441 |
| Số dư tại 31/12/2022 | 5.816.661.794 | 2.312.033.270 | 690.809.810 | 152.911.817 | 8.972.416.691 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại 01/01/2022 | 7.985.951.621 | 26.833.195 | - | - | 8.012.784.816 |
| Tại 31/12/2022 | 7.669.534.384 | - | - | - | 7.669.534.384 |

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2022 với giá trị là 5.276.988.550 VND (tại 01/01/2022 là 9.739.244.264 VND).

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 6.851.035.565 VND (tại ngày 01/01/2022 là 7.178.336.069 VND).

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư tại 01/01/2022 | 814.636.601 | 75.000.000 | 889.636.601 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2022 | 814.636.601 | 75.000.000 | 889.636.601 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư tại 01/01/2022 | 116.266.766 | 67.500.000 | 183.766.766 |
| Tăng trong năm | 16.292.736 | 7.500.000 | 23.792.736 |
| Khấu hao trong năm | 16.292.736 | 7.500.000 | 23.792.736 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2022 | 132.559.502 | 75.000.000 | 207.559.502 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại 01/01/2022 | 698.369.835 | - | 705.869.835 |
| Tại 31/12/2022 | 682.077.099 | - | 682.077.099 |

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2022 với giá trị là 75.000.000 VND (tại 01/01/2022 là 0 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2022 (VND) | | 01/01/2022 (VND) | |
|------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Chi phí XD CB dở dang | 18.215.446.063 | 18.215.446.063 | 18.228.913.617 | 18.228.913.617 |
| Đầu tư dự án Xuân Phương | 252.950.947 | 252.950.947 | 252.950.947 | 252.950.947 |
| Xây dựng Nhà điều hành (*) | 17.962.495.116 | 17.962.495.116 | 17.975.962.670 | 17.975.962.670 |
| Tổng | 18.215.446.063 | 18.215.446.063 | 18.228.913.617 | 18.228.913.617 |

(*) Dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; dự án mới thực hiện triển khai ở giai đoạn đầu, chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp.

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Thanh Thủy theo hợp đồng số 40/HĐKT ngày 14/10/2015, tuy nhiên theo Thông báo số 740/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, hồ sơ đề xuất chuyển nhượng dự án của nhà đầu tư còn một số nội dung tồn tại chưa đủ điều kiện báo cáo UBND thành phố xem xét việc chuyển nhượng, do đó Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo trả hồ sơ đề nghị chuyển nhượng dự án, sau khi Công ty hoàn thiện hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thẩm định và báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆPTầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú,
Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Đầu tư tài chính dài hạnĐơn vị tính: VND

| | Vốn điều lệ (%) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Quyền biểu quyết (%) | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|--|-----------------|------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | | | | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào Công ty liên kết | | | | 12.200.000.000 | (1.189.789.000) | 12.200.000.000 | (1.189.789.000) |
| Công ty CP Bao Bi Sông Công (1) | 11.057.500.000 | 37,98% | 37,98% | 4.200.000.000 | (*) | 4.200.000.000 | (*) |
| Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon (2) | 40.000.000.000 | 20,00% | 20,00% | 8.000.000.000 | (*) | 8.000.000.000 | (*) |
| Đầu tư dài hạn khác | | | | 3.380.000.000 | - | 3.380.000.000 | - |
| Công ty CP Xây lắp và SXCN Đứơc Giang (3) | 12.000.000.000 | 10,00% | 10,00% | 1.200.000.000 | (*) | 1.200.000.000 | (*) |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam (4) | 550.000.000.000 | 0,40% | 0,40% | 2.180.000.000 | (*) | 2.180.000.000 | (*) |
| Tổng | | | | 15.580.000.000 | (1.189.789.000) | 15.580.000.000 | (1.189.789.000) |

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(1): Công ty CP Bao Bi Sông Công là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600422297 ngày 07/03/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 11.057.500.000 VND.

(2): Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800727161 cấp ngày 08/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Vốn điều lệ của Công ty là: 40.000.000.000 VND.

(3): Khoản đầu tư mua 120.000 cổ phần của Công ty CP Xây lắp và SXCN Đứơc Giang.

(4): Khoản đầu tư mua 200.000 cổ phần của Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12 Chi phí trả trước

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Dài hạn | 797.188.034 | 797.188.034 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 797.188.034 | 797.188.034 |
| Tổng | 797.188.034 | 797.188.034 |

5.13 Phải trả người bán

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngắn hạn | 124.428.053.423 | 124.428.053.423 | 125.849.300.728 | 125.849.300.728 |
| Công ty CP Đầu tư Xây lắp và TM QT Hồng Hà | 16.380.918.489 | 16.380.918.489 | 6.099.503.444 | 6.099.503.444 |
| Công ty TNHH Sungshin Vina | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | 4.580.000.000 | 4.580.000.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn | 4.592.975.000 | 4.592.975.000 | 4.592.975.000 | 4.592.975.000 |
| GT19.2 dg mô đá vôi Xi măng - Tân Việt | 8.634.856.978 | 8.634.856.978 | 8.634.856.978 | 8.634.856.978 |
| CT TNHH Tâm Phúc | 2.665.487.079 | 2.665.487.079 | 4.410.391.611 | 4.410.391.611 |
| Công ty CP Nhật Nam | 1.700.000.000 | 1.700.000.000 | 3.800.000.000 | 3.800.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư XD và TM Tùng Sơn | 841.199.075 | 841.199.075 | 2.167.630.108 | 2.167.630.108 |
| Công ty CP phát triển địa ốc Hoàng An | 7.477.987.400 | 7.477.987.400 | 3.389.925.400 | 3.389.925.400 |
| Phải trả các đối tượng khác | 77.634.629.402 | 77.634.629.402 | 88.174.018.187 | 88.174.018.187 |
| Tổng | 124.428.053.423 | 124.428.053.423 | 125.849.300.728 | 125.849.300.728 |
| <i>Trong đó: phải trả người bán là bên liên quan</i> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1) | <i>4.592.975.000</i> | <i>4.592.975.000</i> | <i>4.592.975.000</i> | <i>4.592.975.000</i> |

5.14 Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 23.391.177.578 | 48.335.666.882 |
| Công an tỉnh Lai Châu | - | 8.976.312.288 |
| Ban QLDA Đầu tư XD Quận Bắc từ Liêm | - | 2.592.824.873 |
| Ban QLDA ĐTXD Công trình dân dụng thành phố Hà Nội | 12.403.523.000 | 25.490.923.000 |
| Các khách hàng khác | 10.987.654.578 | 11.275.606.721 |
| Tổng | 23.391.177.578 | 48.335.666.882 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

| | 01/01/2022 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 31/12/2022 |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 3.090.955.191 | 206.213.353 | 385.809.484 | 2.911.359.060 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 583.940.615 | 157.141.745 | 400.000 | 740.682.360 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 470.379.953 | 164.770.594 | 50.000.000 | 585.150.547 |
| Các loại thuế khác | 7.666.517.718 | (224.961.454) | 10.695.967 | 7.430.860.297 |
| Tổng | 11.811.793.477 | 303.164.238 | 446.905.451 | 11.668.052.264 |

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại Xí nghiệp Xây lắp và Thi công Cơ Giới và Xí nghiệp Xây lắp Khảo sát với số tiền 10,93 tỷ đồng (thuế GTGT, thuế nhà đất và các loại thuế khác), do đó có thể phát sinh các khoản thuế chậm nộp trong tương lai liên quan đến số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại 2 Xí nghiệp này.

5.16 Chi phí phải trả

| | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | 5.167.232.859 | 4.741.653.729 |
| Trích trước chi phí công trình và các chi phí khác | 5.167.232.859 | 4.741.653.729 |
| Tổng | 5.167.232.859 | 4.741.653.729 |

5.17 Phải trả khác

| | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 50.451.057.026 | 58.131.689.521 |
| - Kinh phí công đoàn; | 82.487.127 | 64.254.107 |
| - Bảo hiểm xã hội; | 1.708 | 160.802.986 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả; | 1.462.621.255 | 1.462.621.255 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác. | 48.905.946.936 | 56.444.011.173 |
| Công ty TNHH MTV và Dịch vụ Thanh Thủy (*) | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam | 429.886.000 | 378.216.000 |
| Phải trả các Đội xây lắp và phải trả khác | 28.476.060.936 | 36.065.795.173 |
| Tổng | 50.451.057.026 | 58.131.689.521 |
| Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1) | 429.886.000 | 378.216.000 |

(*) Khoản phải trả Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Thủy theo hợp đồng chuyển nhượng dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội số 40/HĐKT ngày 14/10/2015 như đã trình bày tại thuyết minh số 5.10 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2022 | | Trong năm | | 01/01/2022 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 49.365.286.335 | 49.365.286.335 | 42.686.841.028 | 59.695.096.376 | 66.373.541.683 | 66.373.541.683 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Hai Bà Trưng (1) | 47.269.546.898 | 47.269.546.898 | 42.686.841.028 | 59.695.096.376 | 64.277.802.246 | 64.277.802.246 |
| Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Tây Hà Nội (2) | 24.000.000 | 24.000.000 | - | - | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Vay cá nhân | 2.071.739.437 | 2.071.739.437 | - | - | 2.071.739.437 | 2.071.739.437 |
| Tổng | 49.365.286.335 | 49.365.286.335 | 42.686.841.028 | 59.695.096.376 | 66.373.541.683 | 66.373.541.683 |

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2021/14/HĐTĐ ngày 19/11/2022 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn: Từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 30/09/2022. Lãi suất xác định cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kì. Tài sản đảm bảo: Thế chấp, cầm cố tài sản thuộc sở hữu của Bên được bảo lãnh / Bên thứ ba, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên được bảo lãnh tại Ngân hàng và tại Tô chức tín dụng khác... Đến 31/12/2022, thời hạn của hợp đồng tín dụng này đã hết nhưng Ngân hàng chưa cấp hợp đồng tín dụng hạn mức mới do Công ty đang được cơ cấu lại nợ, vay, các hợp đồng vay mới có phát sinh sẽ được ký hợp đồng vay riêng theo từng món vay cụ thể.

(2) Khoản vay theo HĐ vay số 1480-LAY-201100473/HĐTĐ ngày 30/05/2011. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay 15.000.000.000 đồng, vốn xin bảo lãnh 10.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ hoặc theo thông báo của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|----------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------|
| Số dư tại 01/01/2021 | 45.450.000.000 | 4.498.950.000 | (19.656.058.716) | 30.292.891.284 |
| Tăng trong năm | - | - | (12.584.727.075) | (12.584.727.075) |
| Lỗi trong năm trước | - | - | (12.584.727.075) | (12.584.727.075) |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2021 | 45.450.000.000 | 4.498.950.000 | (32.240.785.791) | 17.708.164.209 |
| Số dư tại 01/01/2022 | 45.450.000.000 | 4.498.950.000 | (32.240.785.791) | 17.708.164.209 |
| Tăng trong năm | - | - | 122.203.824 | 122.203.824 |
| Lãi trong năm nay | - | - | 122.203.824 | 122.203.824 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2022 | 45.450.000.000 | 4.498.950.000 | (32.118.581.967) | 17.830.368.033 |

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam | 23.700.930.000 | 23.700.930.000 |
| Các cổ đông khác | 21.749.070.000 | 21.749.070.000 |
| Tổng | 45.450.000.000 | 45.450.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại ngày đầu năm | 45.450.000.000 | 45.450.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp tại ngày cuối năm | 45.450.000.000 | 45.450.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

d. Cổ phiếu

| | 31/12/2022 Cổ phiếu | 01/01/2022 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4.545.000 | 4.545.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 4.545.000 | 4.545.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 4.545.000 | 4.545.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.545.000 | 4.545.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 4.545.000 | 4.545.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|-----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu hoạt động Xây lắp | 94.127.076.226 | 184.357.265.888 |
| Tổng | 94.127.076.226 | 184.357.265.888 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| Giá vốn hoạt động Xây lắp | 92.136.613.620 | 190.856.623.443 |
| Tổng | 92.136.613.620 | 190.856.623.443 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 208.561.341 | 732.514.314 |
| Cổ tức được chia | - | 252.000.000 |
| Tổng | 208.561.341 | 984.514.314 |

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|-----------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 3.769.104.031 | 5.877.112.571 |
| Tổng | 3.769.104.031 | 5.877.112.571 |

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.832.868.086 | 2.132.515.625 |
| Chi phí khấu hao | 295.119.432 | 302.619.432 |
| Thuế, phí, lệ phí | (17.303.187) | 11.618.567 |
| Trích lập (hoàn nhập) dự phòng | - | (855.398.600) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 40.909.091 | - |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.110.013.435 | 1.395.490.247 |
| Tổng | 3.261.606.857 | 2.986.845.271 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thu nhập khác | | |
| Thu thanh lý tài sản, vật tư | 1.654.597.545 | 195.023.635 |
| Xử lý công nợ không phải trả | 1.516.369.108 | 279.829.687 |
| Doanh thu cho thuê nhà xưởng, máy móc | 1.913.348.825 | 2.170.364.873 |
| Chi phí chậm nộp thuế được miễn giảm và thu khác | 638.505.446 | 244.805.297 |
| Tổng | 5.722.820.924 | 2.890.023.492 |
| Chi phí khác | | |
| Giá trị vật tư thanh lý | 53.754.818 | 217.044.544 |
| Tiền thuế và tiền phạt chậm nộp | 213.102.811 | 99.266.065 |
| Tiền thuê đất chi phí cho thuê nhà xưởng | 344.624.609 | 129.575.124 |
| Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác | 157.447.921 | 650.063.751 |
| Tổng | 768.930.159 | 1.095.949.484 |
| Lãi (lỗ) hoạt động khác | 4.953.890.765 | 1.794.074.008 |

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 17.648.531.425 | 45.389.482.611 |
| Chi phí nhân công | 2.148.088.086 | 8.927.354.077 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 367.043.168 | 302.619.432 |
| Trích lập (hoàn nhập) dự phòng | - | (855.398.600) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 71.546.244.461 | 121.885.072.872 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.026.803.999 | 1.407.108.814 |
| Tổng | 93.736.711.139 | 177.056.239.206 |

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|--|--------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế | 122.203.824 | (12.584.727.075) |
| Điều chỉnh tăng (các khoản tiền phạt) | 213.102.811 | 99.266.065 |
| Điều chỉnh giảm (chuyển lỗ) | (335.306.635) | (252.000.000) |
| Thu nhập (lỗ) chịu thuế (được chuyển) | - | (12.233.461.010) |
| Thuế suất hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.9 Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|--|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận (lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 122.203.824 | (12.584.727.075) |
| Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - |
| Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu | 122.203.824 | (12.584.727.075) |
| Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 4.545.000 | 4.545.000 |
| Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 27 | (2.769) |

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Danh sách các bên liên quan của Công ty****Bên liên quan**

Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN
 Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn
 Công ty CP TV & TK xây dựng Vinaincon
 Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất
 Công ty CP Bao bì Sông Công
 Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon
 Đỗ Chí Nguyễn
 Trần Thị Minh
 Phan Huy Hùng
 Phạm Hùng
 Ngô Đức Cường
 Trần Đức Hoàng
 Nguyễn Thị Bích Hạnh
 Dương Quang Hưng
 Trần Văn Long
 Nguyễn Hùng Anh
 Đỗ Văn Hùng
 Nguyễn Thị Hương Giang
 Và các thành viên lân cận trong gia đình của các cá nhân là các Bên liên quan.

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Chủ tịch (miễn nhiệm 06/05/2022)
 Chủ tịch (bỏ nhiệm 06/05/2022)
 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
 Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
 Trưởng BKS
 Thành viên BKS
 Thành viên BKS
 Giám đốc (miễn nhiệm 06/07/2022)
 Giám đốc (bỏ nhiệm 06/07/2022)
 Phó Giám đốc
 Kế toán trưởng
 Thành viên HĐQT, Người được ủy quyền công bố thông tin
 Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

| Họ tên | Chức vụ | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|---|---|--------------------|--------------------|
| Thù lao của Hội đồng Quản trị | | | |
| Đỗ Chí Nguyễn | Chủ tịch (Miễn nhiệm 06/05/2022) | 20.000.000 | 60.000.000 |
| Trần Thị Minh | Chủ tịch (Bổ nhiệm 06/05/2022) | 56.000.000 | 48.000.000 |
| Phan Huy Hùng | Thành viên | 48.000.000 | 24.000.000 |
| Phạm Hùng | Thành viên (Bổ nhiệm 01/08/2022) | 32.000.000 | 24.000.000 |
| Nguyễn Thị Hương Giang | Thành viên | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Cộng | | 180.000.000 | 180.000.000 |
| Thù lao của Ban Kiểm soát | | | |
| Ngô Đức Cường | Trưởng ban | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Trần Đức Hoàng | Thành viên | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Nguyễn Thị Bích Hạnh | Thành viên | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Cộng | | 84.000.000 | 84.000.000 |
| Tiền lương của TGD và người quản lý khác | | | |
| Dương Quang Hưng | Giám đốc (Miễn nhiệm 06/07/2022) | 72.175.238 | 99.671.000 |
| Trần Văn Long | Giám đốc (Bổ nhiệm 06/07/2022) | 32.500.000 | - |
| Phan Huy Hùng | Phó Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/08/2022) | 72.617.619 | 82.199.000 |
| Phạm Hùng | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm 01/08/2022) | 72.127.272 | 24.000.000 |
| Nguyễn Hùng Anh | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm 01/08/2022) | 57.814.377 | 28.375.000 |
| Nguyễn Thị Hương Giang | Người được ủy quyền công bố thông tin | 95.919.000 | - |
| Đỗ Văn Hùng | Kế toán trưởng | 135.177.619 | 77.995.000 |
| Cộng | | 538.331.125 | 312.240.000 |

Giao dịch với các bên liên quan

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|---|---------------------|-----------------|-----------------|
| Giao dịch bán hàng | | | |
| Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn | Khối lượng xây lắp | - | 609.467.182 |
| Giao dịch khác | | | |
| Công ty CP Bao bì Sông Công | Cổ tức được chia | - | 252.000.000 |
| Phải trả người bán | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

| Các khoản phải trả | Mối quan hệ | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---|--------------------|----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Phải trả khác | | 429.886.000 | 378.216.000 |
| Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN | Công ty mẹ | 429.886.000 | 378.216.000 |
| Phải trả người bán | | 4.592.975.000 | 4.592.975.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn | Cùng Công ty mẹ | 4.592.975.000 | 4.592.975.000 |
| | | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
| | | VND | VND |
| Các khoản phải thu | Mối quan hệ | | |
| Phải thu khách hàng | | 641.014.693 | 1.838.795.364 |
| Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN | Công ty mẹ | - | 1.197.780.671 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | Cùng Công ty mẹ | 158.059.693 | 158.059.693 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất | Cùng Công ty mẹ | 482.955.000 | 482.955.000 |
| Trả trước cho người bán | | 1.660.642.027 | 1.660.642.027 |
| Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN | Công ty mẹ | 1.660.642.027 | 1.660.642.027 |
| Phải thu khác | | 299.938.060 | 203.533.020 |
| Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN | Công ty mẹ | 299.938.060 | 203.533.020 |

7.3 Các khoản nợ tiềm tàng

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại Xí nghiệp Xây lắp và Thi công Cơ Giới và Xí nghiệp Xây lắp Khảo sát với số tiền 10,93 tỷ, do đó có thể phát sinh các khoản thuế chậm nộp trong tương lai liên quan đến số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại 2 Xí nghiệp này.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.10, Dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội chưa đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, theo đó trong tương lai nếu dự án không được cấp phép chuyển nhượng thì Công ty có thể sẽ không thu hồi được lợi ích tương ứng với chi phí xây dựng cơ bản dở dang (chủ yếu là tiền thuế đất và tiền phạt chậm nộp tiền thuế đất) đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đặng Thị Cẩm Thi

Đỗ Văn Hùng

Trần Văn Long

CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org